ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP HÌNH ẢNH ĐỂ TỐI ƯU HOÁ TRÍ NHỚ TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG VIỆT TẠI HỌC VIỆN KĨ THUẬT QUÂN SỰ

PHAN THỊ THUỲ AN*

Abstract: Nowadays, teaching Vietnamese to foreigners in Vietnam is receiving attention from many researchers and lecturers within the country and abroad. In order to attract many foreign students to actively learn Vietnamese, educational institutions must have a good training program and teachers need to have new teaching methods that align, with the goals of the new age. Teaching methods always need to be improved in the direction of active cognitive and learning activities of learners to stimulate thinking and creativity and bring about the best learning efficiency. In this article, the author analyzes and presents one of the modern teaching methods today that can help teachers' teaching and the learning of foreign students learning Vietnamese achieve high efficiency. It is the application of visual methods to optimize students' memory in learning foreign languages in general and learning Vietnamese in particular. This method has been organized and practically implemented for international pre-first-year, first-year, and second-year students studying Vietnamese at the Military Technical Academy.

Keywords: *visual methods, optimization, memory*

1. Đặt vấn đề

Hiện nay trên thế giới có rất nhiều phương pháp dạy ngoại ngữ thông dụng, có thể kể đến một số phương pháp phổ biến như phương pháp ngữ pháp dịch, phương pháp trực tuyến, phương pháp tiếp cận tình huống cấu trúc, phương pháp luyện tiếng và phương pháp nghe nhìn, …. Ngoài những phương pháp truyền thống nói trên, chúng tôi đã nghiên cứu và lựa chọn phương pháp giảng dạy tiếng Việt qua hình ảnh nhằm tối ưu hoá trí nhớ cho học viên (HV) với những lí do sau:

Thứ nhất, phương pháp hình ảnh (PPHA) trực quan sinh động dễ hiểu, thu hút được nhiều đối tượng cùng tham gia. Khi giảng dạy tiếng Việt cho một lớp học có nhiều HV đến từ các quốc gia khác nhau thì đa số giáo viên (GV) sử dụng tiếng Anh làm chuyển ngữ để giải thích từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. Nhưng thực tế việc dùng một ngôn ngữ khác để giải thích sẽ không mang lại hiệu quả cao trong học tập cũng như ghi nhớ, tích lũy kiến thức của người học. Ở Học viện Kĩ thuật Quân sự, khi giảng dạy một lớp gồm cả hai đối tượng Lào và Campuchia thì việc dùng tiếng Anh để giải thích cũng không đạt hiệu quả như mong muốn. Nguyên nhân do không phải HV Lào và HV nào cũng biết và hiểu được tiếng Anh để có thể nắm bắt bài giảng một cách tự nhiên và thoải mái, đồng thời không phải từ vựng hay cấu trúc ngữ pháp nào của tiếng Việt cũng có thể diễn đạt đầy đủ bằng tiếng Anh. Theo đó việc dùng một ngôn ngữ khác để giải thích trong giờ học sẽ không mang lại hiệu quả cao cho người học.

Thứ hai, PPHA là phương pháp giúp học nhanh và ghi nhớ kiến thức ở bất kì giai đoạn học tập nào. Sử dụng hình ảnh vào giảng dạy là phương án tốt nhất có thể áp dụng trong suốt giờ giảng và sẽ mang lại hiệu quả cao cũng như góp phần vào việc tối ưu hoá trí nhớ của HV trong việc ghi nhớ từ vựng, mẫu câu để từ đó phát triển các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tiến tới yêu thích, thành thạo tiếng Việt.

Hiện nay, tiếng Việt là ngôn ngữ mới được giảng dạy như một ngoại ngữ, vì vậy chúng ta nên đưa tiếng Việt lại gần hơn với thế giới qua những hình ảnh trực quan sinh động, từ đó có thể giúp HV nước ngoài chú ý và tập trung vào ngôn ngữ mà mình đang học, thậm chí quên đi ngôn ngữ mẹ đẻ của mình,

* ThS, Học viện Kĩ thuật Quân sự

đặt bản thân vào những trường hợp, những hoàn cảnh cụ thể để có thể tư duy bằng tiếng Việt, nói tiếng Việt giống người Việt, tạo tiền đề cho việc tìm hiểu thêm về các lĩnh vực văn hoá, lịch sử, du lịch,… của Việt Nam. Ngoài ra, nghiên cứu này còn góp phần làm phong phú thêm trong lĩnh vực nghiên cứu về các phương pháp giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài hiện nay tại Việt Nam.

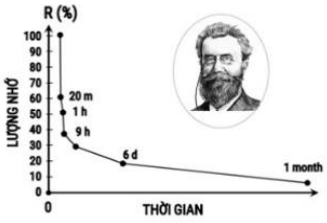
2. Cơ sở lí luận về tối ưu hoá trí nhớ và PPHA

2.1. Trí nhớ

Theo giáo trình Tâm lí học Đại cương: "Trí nhớ là một quá trình tâm lí phản ánh những kinh nghiệm đã có của cá nhân dưới hình thức biểu tượng, bao gồm sự ghi nhớ, giữ gìn và tái tạo sau đó ở trong óc, cái mà con người đã cảm giác, tri giác, xúc cảm, hành động hay suy nghĩ trước đây" [11, tr.133]. Sản phẩm của trí nhớ là biểu tượng, đó là những hình ảnh của sự vật, hiện tượng nảy sinh trong óc con người khi không có sự tác động trực tiếp của sự vật đó vào các giác quan của con người.

Về phân loại trí nhớ, chúng ta có thể dựa vào các đặc điểm khác nhau của trí nhớ để phân thành nhiều loại khác nhau. Thứ nhất, nếu dựa vào tính tích cực nổi bật nhất của trí nhớ trong một hoạt động nào đó, có thể chia thành: trí nhớ vận động, trí nhớ xúc cảm, trí nhớ hình ảnh và trí nhớ từ ngữ - logic. Trong đó trí nhớ hình ảnh là trí nhớ về một ấn tượng của các sự vật, hiện tượng mà trước đây đã tác động vào giác quan của con người. Dựa vào các cơ quan cảm giác tham gia vào các quá trình của trí nhớ mà trí nhớ hình ảnh được chia thành: trí nhớ nghe, trí nhớ nhìn,… và vai trò của mỗi loại trí nhớ hình ảnh cũng rất khác nhau đối với mỗi người. Còn đối với trí nhớ từ ngữ - logic, đây là loại trí nhớ về những mối quan hệ, liên hệ mà nội dung được tạo nên bởi ý nghĩ, tư tưởng của con người, nó có cơ sở sinh lí là hệ thống tín hiệu thứ hai (ngôn ngữ), do vậy trí nhớ từ ngữ - logic là loại trí nhớ đặc trưng của con người. Loại trí nhớ này phát triển trên cơ sở sự phát triển của trí nhớ vận động, trí nhớ xúc cảm, trí nhớ hình ảnh đã được nêu ở trên; đồng thời trí nhớ từ ngữ - logic ngày càng giữ vị trí trung tâm và ảnh hưởng trở lại các loại trí nhớ khác, giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động nhận thức của người học. Thứ hai, nếu dựa vào mức độ kéo dài của sự giữ gìn tài liệu trong trí nhớ đối với hoạt động thì trí nhớ lại được chia thành trí nhớ ngắn hạn và trí nhớ dài hạn. Trí nhớ dài hạn là loại trí nhớ mà sự ghi nhớ, giữ gìn và tái hiện thông tin được kéo dài sau nhiều lần lặp đi lặp lại và do vậy, thông tin được giữ lại dài lâu trong trí nhớ, loại trí nhớ dài hạn rất cần thiết cho việc tích lũy tri thức. Để trí nhớ này có chất lượng tốt, người học cần luyện tập để củng cố, tái hiện nhiều lần thông tin, tài liệu với những biện pháp và cách thức khác nhau.

Về các quá trình cơ bản của trí nhớ, đây là một quá trình phức tạp, bao gồm 4 giai đoạn sau: giai đoạn ghi nhớ (tạo vết), giai đoạn giữ gìn (củng cố vết), giai đoạn tái hiện (làm sống lại những hình ảnh từ các dấu vết đã có) và giai đoạn quên (không tái hiện được). Đặc biệt ở giai đoạn thứ 3 - giai đoạn tái hiện là một quá trình trí nhớ làm sống lại những nội dung đã ghi nhớ và giữ gìn. Giai đoạn này có thể diễn ra dễ dàng ("tự động") hoặc rất khó khăn (phải nỗ lực nhiều). Và giai đoạn tái hiện lại được thể hiện dưới ba hình thức: nhận lại, nhớ lại và hồi tưởng. Hình thức "nhớ lại" là hình thức tái hiện không diễn ra sự tri giác đối tượng, đó là khả năng làm sống lại hình ảnh của sự vật, hiện tượng đã được ghi nhớ trước đây. "Nhớ lại" không diễn ra tự nó, mà bao giờ cũng có nguyên nhân, theo luật liên tưởng, mang tính logic chặt chẽ có chủ định. Giai đoạn quên cũng được nghiên cứu để từ đó có những giải pháp khắc phục sự quên. Nhìn vào đường cong lãng quên đã được nhà tâm lí



Hình 1. Đường cong quên (Hermann Ebbinghaus,1885)

học Hermann Ebbinghaus đưa ra năm 1885 cho thấy con người có thể quên hơn một nửa thông tin thu nạp và sau một tuần kiến thức còn lưu lại trong não chỉ khoảng 20%.

Từ những phân tích nói trên chúng ta thấy trí nhớ gắn bó rất chặt chẽ với những hình ảnh, chỉ hình ảnh mới lưu lại một cách nhanh nhất, lâu nhất và hiệu quả nhất trong trí óc của con người.

2.2. Tối ưu hoá trí nhớ

Cuốn "Tối ưu hoá trí nhớ bằng PPHA" của Pascale Michelon là cuốn sách đầu tiên hướng dẫn việc tận dụng tối đa PPHA nhằm phát triển toàn diện trí nhớ đồng thời đưa ra cho người học một số cách để tối ưu hoá trí nhớ trong học tập và trong cuộc sống theo trật tự: (1) Tạo ý nghĩa hình ảnh: để giúp người học tư duy xử lí thông tin một cách trực quan sinh động, nhanh nhất, hiệu quả nhất. (2) Nắm bắt ý nghĩa: Nếu phải nhớ một đoạn văn bản thì nên hiểu ý nghĩa của văn bản sẽ giúp người học nhớ lâu và chính xác hơn. Càng hiểu rõ nội dung đang đọc, người học càng được nhiều mối liên hệ giữa văn bản đó và những kiến thức sẵn có, nhờ đó người học sẽ nhớ được tốt hơn. (3) Sử dụng trí nhớ như thế nào cho hiệu quả. Chúng ta không nên dựa dẫm quá nhiều vào các công cụ hỗ trợ bên ngoài như ipad, điện thoại, máy tính,… nên tận dụng và phát triển tính khả biến thần kinh nhằm tăng cường trí nhớ, hãy chủ động động não ghi nhớ khi học tập cũng như làm các công việc hàng ngày. (4) Giảm thiểu sao nhãng: Cả trí nhớ hình ảnh ngắn hạn và trí nhớ lời nói ngắn hạn đều rất dễ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố gây xao nhãng nên dễ làm thông tin biến mất.

2.3. Phương pháp hình ảnh

Trong "Cách học ngoại ngữ nhanh và không bao giờ quên", Gabriel Wyner đã đề cập đến 5 nguyên tắc ghi nhớ cơ bản để giúp người học có thể ghi nhớ nhiều hơn, nhanh hơn và khi kết hợp 5 nguyên tắc này với nhau sẽ tạo thành một hệ thống có thể đưa thông tin đi sâu vào tiềm thức não bộ hàng nghìn từ mới cũng như quy tắc ngữ pháp [4]. Trong 5 nguyên tắc đó có thể nói đến 3 nguyên tắc có liên quan đến trí nhớ và hình ảnh như sau:

Nguyên tắc 1, làm cho kí ức trở nên đáng nhớ. Bất cứ thông tin nào cũng trở nên quan trọng khi nó được kết nối với một thông tin khác, những kết nối hay sử dụng hiện nay là: kết nối kết cấu, kết nối âm thanh, kết nối khái niệm và kết nối cá nhân. Những kết nối này giúp người học không bị quá tải về thông tin trong trí nhớ của mình. Để tạo nên kí ức mạnh mẽ cho một từ, người học nên dùng cả 4 sự kết nối này. Trong 4 kết nối thì kết nối âm thanh là kết nối được sử dụng hiệu quả vì âm thanh kết nối người học chủ động mở miệng, bật ra lời nói. Học phát âm trước sẽ giúp chúng ta dễ nhớ từ và người học sẽ bắt chước như con vẹt. Tiếp đến là kết nối khái niệm cụ thể, kết nối này được ưu tiên hơn kết nối trừu tượng vì người học có thể cảm nhận thông tin bằng nhiều giác quan (thị giác, khứu giác, vị giác, ….) và nó kích thích nhiều phần trong não bộ vì kí ức hình ảnh dễ gọi, dễ nhớ hơn rất nhiều so với từ ngữ, bởi chúng ta luôn tự động nghĩ ở cấp độ khái niệm mỗi khi nhìn thấy hình ảnh. Các nghiên cứu về trí nhớ đã chứng minh kí ức hình ảnh cực kì mạnh mẽ.

Ở nguyên tắc này người học sẽ học từ vựng theo hai giai đoạn: Xây dựng nền tảng là một kho từ vựng bằng các từ cụ thể, dễ học; rồi sử dụng nền tảng đó để học các từ trừu tượng. Trong suốt quá trình đó, người học sẽ sử dụng các cấp độ xử lí để gần gũi hoá các từ xa lạ nhằm làm phong phú thêm kho từ vựng của bản thân.

Nguyên tắc 3, cách học hai hay nhiều lần có thể giúp ghi nhớ tốt trong một vài phút nhưng lại phản tác dụng trong thời kì dài. Cách học với một tờ giấy trắng sẽ giúp người học "nhớ lại" kiến thức nhiều hơn so với việc kéo dài thêm thời gian học trog một lần học. Vì vậy để tối đa hoá hiệu quả ôn tập, hãy dành nhiều thời gian để tập "nhớ lại", chứ không phải tập đọc lại.

Nguyên tắc thứ 5 là "tái tạo kí ức" vì kí ức chính là một mạng lưới kết nối. Quá trình "tái tạo kí ức" là những viên gạch đặt nền móng hình thành kí ức dài hạn. Mỗi hành động nhớ lại của người học

gắn thêm vào kí ức cũ một phần hiện tại. Phần gắn thêm này mang lại cho kí ức những kết nối mới về hình ảnh mới, cảm xúc mới, âm thanh mới và từ liên quan đến nó, khiến kí ức này càng thêm dễ nhớ. Một khi tái tạo những kí ức này nhiều lần, chúng ta sẽ vĩnh viễn không bị lãng quên. Ở nguyên tắc 5 này, có lưu ý tới việc "phản hồi" thông tin khi chúng biến mất trong trí nhớ của chúng ta. Não bộ chúng ta đã chuẩn bị sẵn sàng để ghi nhớ từ mới, nếu một hình ảnh nào đó trùng với hình ảnh đã quên sẽ giúp não bộ được kích hoạt, con người sẽ tái tạo được trải nghiệm trong quá khư và bổ sung kí ức mới, có nhiều liên kết với trí nhớ trước đó.

Từ ba nguyên tắc nêu trên, tác giả đã vận dụng cho HV trong việc tăng cường trí nhớ để có thể học ngoại ngữ một cách nhanh chóng, ghi nhớ dài hạn, điều này có thể áp dụng trong việc dạy và học ngoại ngữ nói chung cũng như dạy học tiếng Việt nói riêng. Giáo viên cần chú ý đến vấn đề "tập nhớ" với những kết nối âm thanh, hình ảnh, trải nghiệm cá nhân của người học để tập nhớ lại trải nghiệm ban đầu bằng cách kết nối âm thanh, hình ảnh và kết nối cá nhân vào mỗi từ mình đã được học, khi đã thực sự lãng quên, hãy sử dụng phản hồi tức khắc để kéo dài kí ức.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để có thể đạt được mục tiêu nghiên cứu về áp dụng PPHA tối ưu hoá trí nhớ cho HV, tác giả đã tiến hành các bước nghiên cứu sau: (1) Tìm hiểu cơ sở lí luận về trí nhớ, tối ưu hoá trí nhớ, về phương pháp giảng dạy bằng hình ảnh; (2) Tập hợp kho dữ liệu khoảng 600 từ cụ thể; (3) Áp dụng hình ảnh vào các giờ học cụ thể cho từng đối tượng, trình độ cụ thể; (4) So sánh kết quả trước và sau khi sử dụng PPHA để tối ưu hoá trí nhớ cho HV; (5) So sánh điểm thi phần từ vựng - ngữ pháp trong bài kiểm tra học kì giữa lớp được áp dụng phương pháp với lớp không được áp dụng; (6) Nhận xét chung về áp dụng PPHA tối ưu hoá trí nhớ trong học tiếng Việt; (7) Kết luận chung.

3.1. Công cụ thu thập dữ liệu

Dựa vào những mảng từ vựng xuyên suốt trong những giáo trình HV đang được học trên lớp (khoảng 600 từ), những từ vựng này được sắp xếp theo những chủ đề như: động vật, đồ uống, cơ thể, trang phục, màu sắc, phương hướng, nghề nghiệp, địa điểm, thời gian, giao thông,… Sau đó tập hợp, phân tích, so sánh các kết quả của phần từ vựng ngữ pháp sau mỗi bài thi cuối kì để từ đó có so sánh, phân tích, đánh giá khách quan và đưa ra nhận xét chung về phương pháp giảng dạy bằng hình ảnh để tối ưu hoá trí nhớ cho HV.

3.2. Quy trình xử lí dữ liệu

Phương pháp dạy tiếng Việt qua hình ảnh để tối ưu trí nhớ cho HV không thể áp dụng cho tất cả các lớp, cho mọi trình độ, vì vậy chúng tôi dựa vào trình độ của từng lớp để áp dụng cho phù hợp.

a) Đối với trình độ sơ cấp: Tập trung vào từ vựng, câu đơn giản để phát triển kĩ năng nói, nghe.

- Yêu cầu: chú ý đến phần từ vựng (theo chủ đề, phân loại từ loại,…), những câu đơn giản gắn với phần từ vựng ngữ pháp đang học để GV và HV có thể thiết kế được những tình huống hội thoại đơn giản ở trên lớp. Ở trình độ này GV có thể không sử dụng ngoại ngữ khác để giải thích ngữ nghĩa của từ cũng như của câu trong suốt buổi học. GV tuân thủ trật tự như sau: (1) Cho HV xem hình ảnh qua tranh; (2) GV chỉ ra những từ vựng thông qua các hình ảnh đưa ra (chú ý phân loại danh từ, động từ, tính từ); (3) Yêu cầu HV đọc, cảm nhận âm đọc và ý nghĩa; (4) Kết hợp các từ với nhau thành câu hoàn chỉnh; (5) GV đặt câu hỏi, HV trả lời; (6) Kiểm tra từ vựng và những mẫu câu đã học qua hình ảnh. (Kiểm tra theo cá nhân, theo nhóm HV bằng những đoạn hội thoại ngắn gồm những từ và mẫu câu vừa được luyện).

Chú ý: Trong giai đoạn đầu học tiếng Việt, GV không nên dạy quá nhiều từ vựng hay mẫu câu, chỉ dạy khoảng 10 - 15 từ và 3 - 5 mẫu câu trong một buổi học.

b) Trình độ trung cấp: Chú ý đến câu, đoạn văn ngắn, hội thoại với những tình huống nội dung phức tạp hơn để phát triển kĩ năng nghe, nói, viết.

Ở giai đoạn này HV sẽ kết hợp từ vựng đã được học và ghi nhớ ở trình độ sơ cấp để phát triển thành những câu phức tạp hơn, từ đó liên kết những câu này thành đoạn văn có ý nghĩa.

Đối với kĩ năng nghe và nói, GV nên chuẩn bị những đoạn hội thoại, clip ngắn và thực hiện theo các bước sau: (1) HV xem một clip ngắn và không có tiếng, chủ đề song song với nội dung đang học trong giáo trình. Clip không nên quá dài hay quá ngắn, khoảng 1 phút để tránh việc clip quá dài với nội dung khó hiểu sẽ gây cho HV cảm giác căng thẳng, không thoải mái khi tiếp nhận. Còn nếu clip ngắn với nội dung đơn giản sẽ gây cảm giác nhàm chán không phát huy được sự sôi nổi, tích cực tham gia vào tiết học của HV. Vì vậy việc xây dựng đoạn clip phù hợp đòi hỏi công sức tìm tòi, nghiên cứu, thiết kế của GV. (2) Kiểm tra khả năng từ vựng của HV thì GV cần chuẩn bị những hình ảnh đã được lấy trong clip và đánh số thứ tự lần lượt. HV cần đọc đúng vỏ ngữ âm của từ và hiểu ý nghĩa của từ qua tranh. (3) HV sẽ thực hành đặt câu theo cảm nhận cá nhân. HV sẽ sử dụng những từ ở bước 2 để tạo thành câu hoàn chỉnh, đặt câu từ đơn giản đến phức tạp với những cấu trúc câu do GV gợi ý. (4) HV sẽ nói lại nội dung của những bức hình và không nhìn hình, các HV khác nghe và nêu ý kiến. Phần này giúp cho HV rèn luyện khả năng diễn đạt và tiếp thu câu chuyện. (5) HV sẽ liên kết câu riêng lẻ trong từng bức hình để tạo thành một đoạn hội thoại hoàn chỉnh hoặc một đoạn văn ngắn. Phần này sẽ giúp HV sắp xếp lại lôgic của đoạn hội thoại, sắp xếp thông tin thành đoạn văn ngắn có ý nghĩa. (6) Tạo thành câu chuyện hoàn chỉnh xuyên suốt các hình ảnh trong clip để HV liên kết nội dung các bức ảnh và sắp xếp thành một đoạn hội thoại tạo ra một đoạn hội thoại mới dựa trên những hình ảnh, clip đã được xem. Lưu ý: Dung lượng clip không quá dài hay quá ngắn, nội dung clip mang tính thời ự, tạo hứng thú cho HV.

Ở kĩ năng viết, GV cho HV những hình ảnh có liên quan với nhau và từ gợi ý để HV viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh. Phần này không những giúp phát triển kĩ năng viết mà còn phát huy được trí tưởng tượng và óc sáng tạo của HV thông qua những bức hình trong clip.

c) Trình độ nâng cao: Phát triển kĩ năng nghe, nói, đọc và viết.

Ở giai đoạn này GV có thể đưa ra những hình ảnh hay, khó hơn ở trình độ trung cấp. HV đã có thể đọc báo, xem ti vi, xem tin tức trên mạng,… nên hình ảnh được sử dụng ở giai đoạn này sẽ được lấy từ nhiều nguồn nhưng thực tế nhất là những hình ảnh gần gũi với cuộc sống của HV, của người Việt Nam. Yêu cầu HV viết tin bài và tường thuật lại sự kiện trong ảnh. Buổi học diễn ra lần lượt theo những bước sau: (1) Cho HV một bức tranh đọc và tìm hiểu nghĩa; (2) HV thảo luận về chủ đề của bức tranh; (3) HV kể lại câu chuyện theo cảm nhận cá nhân của mình bằng cách viết ra giấy hay nói ra. (4) GV kể lại câu chuyện thật của bức tranh và đưa ra ý nghĩa của bức tranh.

Ở giai đoạn này, HV đã đạt đến trình độ khá cao nên ngoài việc học ngôn ngữ thì HV tìm hiểu thêm về đời sống văn hoá, tinh thần của người Việt Nam cũng như tìm hiểu về lịch sử, văn hoá, kinh tế, du lịch,… của Việt Nam.

3.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu khảo sát ở 2 nhóm HV đang học tiếng Việt tại Học viện Kĩ thuật Quân sự, đó là HV dự khoá K60, học viên năm thứ nhất K59.

	HV dự khoá K60	**HV năm thứ nhất K59**
Thời lượng	1.140 tiết tiếng Việt (100 tiết ngữ âm và 1.040 tiết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt)	285 tiết tiếng Việt.
Giáo trình	1. *Thực hành ngữ âm tiếng Việt*: thực hành phát âm nguyên âm, phụ âm	*1. Thực hành tiếng Việt C* nhóm từ vựng về báo chí; nấu nướng; phụ nữ; giáo dục; kinh tế; khoa học; bệnh tật; thể thao; nghệ thuật; lao động - việc làm…

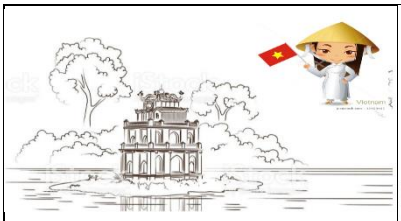
	2. *Click tiếng Việt A1, A2* A1: gồm các chủ đề làm quen, giới thiệu gia đình, du lịch… A2: nhóm từ vựng chỉ nghề nghiệp, từ chỉ đồ dùng, động vật, địa điểm, thời gian, màu sắc…	*2. Bài đọc tiếng Việt nâng cao* nhóm từ vựng về các chủ đề sau: địa lí Việt Nam; Hà Nội; chợ ở Hà Nội; hồ ở Hà Nội; phở Hà Nội; bia hơi Hà Nội; những điều cần biết khi đi du lịch ở Việt Nam; …
	3. Thực hành tiếng Việt B nhóm từ vựng liên quan đến đi tham quan; Tết Nguyên đán; viết thư; ở bệnh viện; thuê nhà; dịch vụ - sửa chữa…	

3.4. Cách thức thực hiện áp dụng PPHA để tối ưu hoá trí nhớ

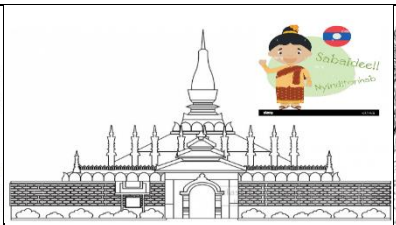
a) Trình độ sơ cấp:

Tập trung vào phần từ vựng, những câu đơn giản, phát triển kĩ năng nói và nghe. GV đã áp dụng PPHA vào các bài giảng tiếng Việt trong bài 1 phần giới thiệu và làm quen của giáo trình "Click tiếng Việt trình độ A" - tập 1, 2.

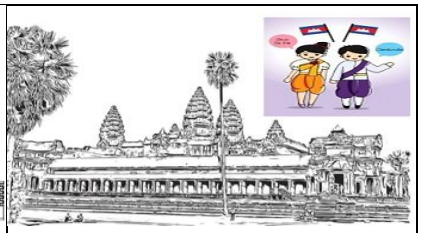
- Đầu tiên, GV cho HV xem những bức tranh và những từ vựng dưới đây:



Hình 1. người Việt Nam/ nước Việt Nam



Hình 2. người Lào/ nước Lào



Hình 3. người Campuchia/ nước Campuchia

- Chỉ tay vào từng hình trong những bức tranh, GV nói *người Việt Nam* và yêu cầu HV lặp lại để HV làm quen với vỏ ngữ âm của mỗi từ. Cứ thế, GV lần lượt đọc tiếp những từ *người Lào*, *người Campuchia*,…

- Sau khi HV đã nắm được cách phát âm và ý nghĩa của từ thông qua hình ảnh trên, GV bắt đầu triển khai thành những câu đơn giản và nói *Tôi là người Việt Nam* (vừa nói vừa chỉ tay vào bản thân và Hình 1). HV trong lớp luyện tập mẫu câu *Tôi là người ….*, sau đó đến mẫu câu hỏi *Bạn là người nước nào?*

- Tiếp theo, GV và HV cùng thực hiện tạo ra một đoạn hội thoại ngắn bằng cách đặt câu hỏi cho từng HV và HV trả lời: Hỏi: *Bạn là người nước nào* => Trả lời: *Tôi là người Việt Nam, còn bạn?*

- GV hướng dẫn lớp chia thành từng nhóm HV thực hành đoạn hội thoại ngắn như trên với những câu ….. *người nước nào*?; …. *là người …..*; *Còn bạn?*

Ở giai đoạn sơ cấp nếu GV biết cách sử dụng những hình ảnh đơn giản, những câu hỏi và trả lời ngắn gọn, những đoạn hội thoại gần gũi với cuộc sống của HV thì buổi học đó sẽ trở nên sinh động, HV dễ nhớ từ vựng, nhớ mẫu câu ngay trên lớp.

Phần dạy này GV có thể áp dụng vào dạy từ vựng theo chủ đề kết hợp với mẫu câu liên quan có trong giáo trình các em đang học trên lớp.

b) Trình độ trung cấp:

Chú ý đến câu, đoạn văn ngắn, hội thoại với những tình huống nội dung phức tạp hơn để phát triển kĩ năng nghe, nói, viết. Giai đoạn này HV sử dụng những từ vựng, mẫu câu đã được học ở phần sơ cấp để kết hợp lại thành những câu phức tạp, liên kết những câu đó thành những đoạn văn có ý nghĩa. Ví dụ, với bài 6 giáo trình "Click tiếng Việt trình độ A - tập 1" và bài 15, bài 24 giáo trình "Click tiếng Việt

trình độ A - tập 2", có thể thiết kế kiểu bài giảng như sau: GV có một clip ngắn dung lượng khoảng 1 phút, với những hình ảnh đã được lấy ra, có đánh số thứ tự lần lượt theo mạch nội dung của clip. (1) HV được xem một lần clip ngắn về "Mẹ" khoảng 1 phút (không có âm thanh) gắn với nội dung liên quan đến động từ. (2) Kiểm tra khả năng từ vựng của HV bằng cách GV đưa ra những hình ảnh trong clip và phát cho HV. HV nói lại những từ khi nhìn vào bức tranh, phần kiểm tra từ vựng này được thực hiện đơn giản hơn phần học từ vựng ở giai đoạn sơ cấp, tuy nhiên HV cần phải luyện lại phần phát âm khi nhìn vào tranh. Ví dụ: *phơi quần áo, quét sân, nấu cơm, giặt quần áo, lau bàn*. (3) HV bắt đầu luyện tập đặt câu câu đơn giản, câu phức tạp với những từ đã tìm trong những bức ảnh nói trên. Ví dụ: *Mẹ đang quét sân; Mẹ phơi rất nhiều quần áo*; *Mẹ đang nấu cơm cho bố con*; *Tôi giặt quần áo giúp mẹ*; *Tôi lau bàn vào buổi tối*; *Tôi nấu cơm giúp mẹ*. (4) HV sẽ luyện tập nói lại những câu trên lúc có hình ảnh hoặc không có hình ảnh. (5) HV liên kết từng câu riêng lẻ đó để tạo thành một đoạn hội thoại hoàn chỉnh giữa mẹ và con. HV có thể đóng vai mẹ và con để tiến hành hội thoại (Ví dụ: *Mẹ đang làm gì đấy ạ? → Mẹ đang quét sân. Con phơi quần áo giúp mẹ được không? → Vâng ạ. Con có thể nấu cơm giúp mẹ được không? → Được, con nấu cơm giúp mẹ nhé.*). (6) HV liên kết từng câu riêng lẻ đó để tạo thành một đoạn văn hoàn chỉnh. GV mời HV nói lại nội dung về "mẹ" mà không cần nhìn vào tranh, những HV khác nghe và bổ sung. Phần này luyện cho HV khả năng tư duy, diễn đạt mạch lạc một câu chuyện. Để mở rộng GV có thể yêu cầu HV làm việc theo nhóm và tự dựng lại một kịch bản trên đoạn clip vừa xem vừa nói lại. Ngoài ra GV có thể yêu cầu HV viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh có các từ liên quan đến bức tranh nói trên.

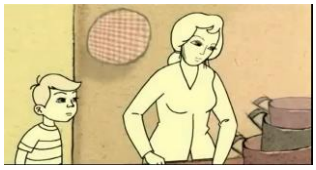

Tranh 1


Tranh 1


Tranh 1

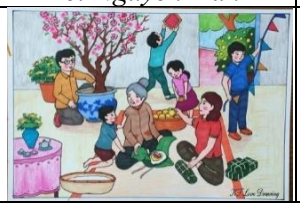

Tranh 4


Tranh 5


Tranh 6

c) Ở trình độ nâng cao:

GV tập trung nâng cao 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết. Ở trình độ này GV có thể khai thác hình ảnh từ các tạp chí, nguồn clip trên mạng vì mỗi bức tranh sẽ là một câu chuyện, mỗi clip sẽ là những nội dung liên quan đến văn hoá, kinh tế, lịch sử, du lịch, ẩm thực,… của Việt Nam.

Về lịch sử: *Truyền thuyết về Hồ Gươm*	Về văn hoá: *Tết Nguyên Đán*	Về du lịch: *Vịnh Hạ Long*	Về ẩm thực: *Phở Hà Nội*
			

Các bước tiến hành như sau: (1) Đưa ra một bức tranh về một chủ đề như *Truyền thuyết Hồ Gươm, Tết Nguyên Đán, Vịnh Hạ Long, Phở Hà Nội,…* (2) HV sẽ dùng vốn từ vựng được tích lũy ở phần sơ,

trung cấp để khai thác bức tranh như: *Đây là địa điểm nào?*, *Tên địa điểm là gì*?, *Trong tranh có ai?*, *Trong tranh có con gì*?,…. (3) HV kể lại câu chuyện theo cách bản thân cảm nhận qua tranh ảnh, qua trải nghiệm thực tế đã được đi tham quan Hồ Gươm bằng hình thức viết hoặc nói. (4) GV chiếu clip câu chuyện thực của bức tranh và đưa ra nội dung chính của clip.

Ở trình độ nâng cao này, khả năng tiếng Việt của HV nước ngoài rất cao nên việc học tiếng Việt kết hợp với việc tìm hiểu về văn hoá, kinh tế, lịch sử,… của Việt Nam là rất cần thiết. Vì vậy việc sử dụng hình ảnh có liên quan đến các lĩnh vực trên là rất thích hợp nên đưa vào giảng dạy.

3.5. Kết quả

3.5.1. Dự khoá K60

- Số lượng HV: 46 HV gồm 2 lớp (lớp DK CPC K60 có 20 HV và lớp Ô tô Quân sự K60 (viết tắt là ÔTÔ QS) có 26 HV). Lớp được áp dụng PPHA: DK CPC K60. Môn học: Tiếng Việt Dự khoá 1, 2. Giáo trình: *Click tiếng Việt trình độ A1, A2*; *Tiếng Việt trình độ B*.

- Kết quả thi phần từ vựng - ngữ pháp của 2 lớp như sau:

Bảng 1. Kết quả điểm thi phần từ vựng - ngữ pháp của 2 lớp K60 (Học kì 1 năm học 2023 - 2024)

Xếp loại	DK CPC K60	Tỉ lệ %	DK ÔTÔ QS K60	Tỉ lệ %
0 điểm	0	00,00	1	3,80
1 - 2 điểm	0	00,00	5	19,20
3 - 4 điểm	2	10,00	7	26,90
5 - 6 điểm	4	20,00	7	26,90
7 - 8 điểm	7	35,00	4	15,50
9 - 10 điểm	7	35,00	2	7,70
Tổng	**20**	**100,00**	**26**	**100,00**

Bảng 2. Kết quả điểm thi phần từ vựng - ngữ pháp của 2 lớp DK K60 (Học kì 2 năm học 2023 - 2024)

Xếp loại	DK CPC K60	Tỉ lệ %	DK ÔTÔ QS K60	Tỉ lệ %
0 điểm	0	00,00	0	00,00
1 - 2 điểm	0	00,00	3	11,60
3 - 4 điểm	1	5,00	8	30,80
5 - 6 điểm	3	15,00	7	26,90
7 - 8 điểm	6	30,00	5	19,20
9 - 10 điểm	10	50,00	3	11,50
Tổng	**20**	**100,00**	**26**	**100,00**

Qua Bảng 1 cho thấy, đối với lớp DK CPC K60 có sử dụng PPHA để tối ưu hoá trí nhớ thì kết quả thu được là 70 % HV đạt từ điểm 7 trở lên, điều đó thấy rằng HV có thể ghi nhớ từ vựng và sử dụng đúng mẫu câu và chỉ có 10% HV nhớ được 3-4 từ, không có HV không nhớ từ nào.

Đối với DK ÔTÔ QS K60 là lớp không sử dụng PPHA mà sử dụng tiếng Anh, tiếng mẹ Khmer hoặc tiếng Lào trong khi học từ vựng và kết quả thu được là chỉ có 23,2% số HV đạt từ 7 điểm trở lên, 26,9% đạt từ 5-6 điểm, 26,9% HV đạt 3-4 điểm, có 19,2 % đạt 1-2 điểm, đặc biệt có 3,8% HV không nhớ và viết đúng một từ nào.

Sang đến học kì 2, GV tiếp tục sử dụng PPHA vào giảng dạy từ vựng - ngữ pháp, kết quả thu được như Bảng 2 ở trên.

Sau 1 năm học tiếng Việt sau khi GV tiếp tục áp dụng PPHA đối với lớp CPC K60 để tăng cường trí nhớ, kết quả so sánh điểm học kì 1 và học kì 2 qua hai bảng phân tích dữ liệu (bảng 1 và bảng 2), tác giả có nhận xét sau: HV đã có tiến bộ rõ rệt trong việc nhớ từ vựng và mẫu câu đơn giản, điều này thể hiện ở việc điểm 9-10 đã tăng từ 35% học kì 1 thành 50% học kì 2, số lượng HV đạt từ 5 đến 8 điểm cũng tăng lên và chỉ còn 1 HV đạt từ 3-4 điểm (giảm đi 1 HV so với học kì 1).

Còn đối với lớp DK ÔTÔ QS K60 vẫn dùng phương pháp dạy cũ thì sự tiến bộ giữa hai học kì là không có sự rõ rệt và bứt phát.

Nhận xét chung: Qua 2 bảng phân tích điểm số giữa học kì 1, học kì 2, giữa lớp được áp dụng phương pháp và lớp không được áp dụng K60 chúng ta thấy một điều là việc học tiếng Việt thông qua hình ảnh thực sự đã làm tăng cường trí nhớ cho HV và mang lại kết quả khá khả quan trong quá trình giảng dạy từ vựng và mẫu câu.

3.5.2. Năm thứ nhất K59

- Số lượng HV: 40 HV, gồm 2 lớp (lớp CPC K59 có 24 HV và lớp Lào K59 có 16 HV). Lớp được áp dụng PPHA: Lào K59. Môn học: Tiếng Việt Dự khoá 3, 4. Giáo trình: *Click tiếng Việt trình độ C*, bài đọc tiếng Việt nâng cao.

- Kết quả thi phần từ vựng - ngữ pháp học kì 1 như Bảng 3:

Bảng 3. Kết quả điểm thi phần từ vựng - ngữ pháp (Học kì 1 năm học 2023-2024)

TT	Xếp loại	Lào K59	Tỉ lệ %	CPC K59	Tỉ lệ %
1	0 điểm	0	00.00	1	4,20
2	1 - 2 điểm	0	00.00	1	4,20
3	3 - 4 điểm	1	6,25	4	16,60
4	5 - 6 điểm	3	18,75	9	37,50
5	7 – 8 điểm	6	37,50	5	20,80
6	9 - 10 điểm	6	37,50	4	16,70
	Tổng	**16**	**100,00**	**24**	**100,00**

Bảng 4. Kết quả điểm thi phần từ vựng - ngữ pháp (Học kì 2 năm học 2023-2024)

TT	Xếp loại	DK Lào K59	Tỉ lệ %	DK CPC K59	Tỉ lệ %
1	0 điểm	0	00.00	1	4,20
2	1 - 2 điểm	0	00.00	2	8,30
3	3 - 4 điểm	0	00.00	3	12,50
4	5 - 6 điểm	3	18,75	7	29,20
5	7 – 8 điểm	4	25,00	6	25,00
6	9 - 10 điểm	9	56,25	5	20,80
	Tổng	**16**	**100,00**	**24**	**100,00**

Dựa vào Bảng 3, kết quả kiểm tra của 2 lớp năm thứ nhất K59, tác giả có nhận xét sau: Điểm 9-10 của lớp DK Lào 59 gấp đôi so với điểm 9-10 của lớp CPC K59, trong khi đó 7-8 của lớp Lào K59 gần gấp đôi điểm 7-8 của lớp CPC K59. Trong khi số điểm 5-6 điểm của lớp Lào 59 chỉ bằng một nửa số điểm 5-6 của lớp CPC K59 (chiếm 37,5%) đây là điểm số nhiều nhất lớp. Trong khi lớp Lào 59 không có HV có điểm số từ 1-2 thì lớp CPC 59 vẫn có 4,2% HV không nhớ từ, 4,2% HV bị điểm 1-2 và 16,6 % HV chỉ được 3-4 điểm. Như vậy lớp Lào K59 có điểm số từ 7-10 điểm tỉ lệ cao gấp đôi lớp không được áp dụng và dưới 5 điểm chỉ chiếm tỉ lệ rất nhỏ là 6,25%.

Sang đến học kì 2 khi GV tiếp tục áp dụng PPHA cho lớp Lào K59 thì kết quả đáng ghi nhận đó là có 56,25% đạt điểm 9-10, không có HV dưới trung bình. So sánh với lớp CPC K59 thì tỉ lệ điểm 9-10 có 20,8%, điểm 7-8 là 25% và có 6 bạn dưới 5 điểm. Từ kết quả trong Bảng 4 trên chúng ta thấy kết quả khả quan khi GV thường xuyên áp dụng PPHA vào tiết học để tăng cường trí nhớ cho HV.

Những số liệu giữa các lớp, các khoá có áp dụng PPHA ở bảng 1, 2, 3, 4 cho thấy việc sử dụng PPHA để tăng cường trí nhớ cho HV được áp dụng đã mang liệu kết quả tốt. PPHA không những giúp GV ít gặp trở ngại khi nhận lớp có từ 2 đối tượng HV trở lên mà còn mang lại kết quả lâu dài, bền vững về tạo dựng khả năng ghi nhớ từ vựng, ngữ pháp một cách có hệ thống, lôgic, tạo cơ sở cho việc phát triển các kĩ năng khác trong học ngoại ngữ và là nền tảng để tích lũy kiến thức cho các môn học khác.

4. Nhận xét chung

Việc áp dụng PPHA để tối ưu hoá trí nhớ cho HV, có những ưu điểm và hạn chế sau:

4.1. Về ưu điểm

(1) Sử dụng PPHA có thể dạy cho mọi đối tượng mà ít phải sử dụng ngôn ngữ khác ngoài tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ của HV. (2) Những hình ảnh trực quan, sinh động sẽ làm cho HV tiếp thu từ vựng, ngữ pháp, sử dụng từ vựng đúng ngữ cảnh một cách dễ dàng và tự nhiên. (3) Phát huy được tính chủ động, sáng tạo, yêu thích học tiếng Việt của HV. (4) Rèn luyện được tư duy tiếng Việt cùng với khả năng diễn đạt của từng HV. (5) HV có thể tự hoàn thiện kĩ năng nghe, nói, đọc, viết dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của GV. (6) GV có thể quan tâm, sát sao đến từng HV và từ đó có thể đánh giá được khả năng của từng HV trong lớp. (7) Có thể kiểm tra và biết kết quả nắm kiến thức của HV chỉ sau 1 tiết giảng, từ đó có giải pháp phù hợp, kịp thời cho những tiết học tiết theo.

Trong quá trình áp dụng PPHA, GV cũng nên lưu ý những nội dung trước, trong và sau khi sử dụng phương pháp. Về mặt hình thức: khi tìm kiếm và lựa chọn hình ảnh phục vụ cho việc giải thích và giảng dạy, giảng viên cần chú ý lựa chọn ảnh không bị "vỡ" hình ảnh khi giãn ảnh hay khi trình chiếu cho HV xem, chú ý đến dung lượng hình ảnh, dung lượng càng lớn thì hình ảnh càng rõ nét, có chất lượng cao. Còn đối với các clip, cần chú ý đến nội dung, dung lượng phù hợp, chất lượng hình ảnh, chất lượng âm thanh,… Về mặt nội dung: Khi tìm kiếm từ vựng trên các website thì sẽ hiện lên rất nhiều kết quả hình ảnh, GV cần lựa chọn hình ảnh dễ hình dung, liên tưởng đến sự vật, sự việc nhất để tránh gây hiểu nhầm dẫn đến hiểu sai, hiểu khác nghĩa của từ. Hình ảnh phải phản ánh đúng nội dung và có tính bao quát cao. Trong nhiều trường hợp, nhất là bài đọc là các truyện cổ tích, truyền thuyết, phim tài liệu ngắn,… không thể tìm thấy trên mạng Internet, giảng viên có thể sưu tập các truyện tranh, sau đó scan và cắt dán cho phù hợp với nội dung bài học hoặc sưu tập hình ảnh cắt ghép với âm thanh để tạo thành đoạn clip như mong muốn.

4.2. Hạn chế

(1) Trong một lớp học sẽ có những HV kiến thức nền khác nhau, nên việc đưa ra một hình ảnh sẽ có nhiều HV hiểu theo các nghĩa khác nhau. (2) Lựa chọn hình ảnh và clip làm sao để không quá khó với nhóm HV yếu và không quá dễ với nhóm HV giỏi. (3) Đòi hỏi GV dành nhiều thời gian để tìm, lựa chọn, chuẩn bị hình ảnh cho thích hợp với đối tượng đang dạy. (4) GV phải thực sự yêu thích PPHA, có kế hoạch cụ thể trước, trong, sau tiết học để có thể duy trì phương pháp này trong suốt quá trình giảng dạy.

5. Kết luận

Với những phương pháp truyền thống trong giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ đã được nhiều GV sử dụng để dạy tiếng Việt thì PPHA để tăng cường trí nhớ được coi là một phương pháp mới trong thời đại công nghệ 4.0. Phương pháp này vẫn còn cần phải nghiên cứu, thử nghiệm và đưa ra những giải pháp để ngày một hoàn thiện hơn, đáp ứng được nhu cầu dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ trong thời đại mới. Phương pháp này sẽ thay đổi tư duy của GV cũng như của HV trong quá trình dạy và học, giúp HV có một môi trường tiếng thực sự để có thể phát huy được những gì mình đang học, tạo không khí sôi nổi trong lớp, học bằng một niềm hứng thú để kiến thức tiếp nhận một cách tự nhiên và dễ hiểu nhất và từ đó có thể hoàn thành nhiệm vụ học tập của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Linh Chi (dịch), *Bách khoa thư về phát triển kĩ năng học tập*, NXB Thanh niên, 2022.
2. Nguyễn Minh Chính, *Về một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình học tiếng Việt của người nước ngoài* "Tiếng Việt và phương pháp dạy tiếng (Kỷ yếu hội thảo khoa học)", NXB ĐHQG, 2004.
3. Mai Ngọc Chừ, *Tiếng Việt cho người nước ngoài*, NXB Giáo dục, 1995.
4. Gabriel Wyner (Nguyễn Tiến Đạt dịch), *Cách học ngoại ngữ nhanh và không bao giờ quên*, NXB KHXH, 2019.
5. Bích Hằng, Quỳnh Trang, *Từ điển tiếng Việt (dành cho học sinh)*, NXB Hồng Đức, 2021.
6. Kỉ yếu Hội thảo khoa học *Tiếng Việt và Việt Nam học cho người nước ngoài*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2003.
7. TS. Pascale Michelon (người dịch: Hà Ly), *Tối ưu hoá trí nhớ bằng PPHA*, NXB Dân trí, 2015.
8. Vũ Văn Thi, *Tiếng Việt cơ sở*, NXB Khoa học - xã hội, 1996.
9. Đoàn Thiện Thuật, *Thực hành tiếng Việt, B, C*, NXB Thế giới, 2014.
10. Đoàn Thiện Thuật, *Click tiếng Việt trình độ A1, A2*, NXB ĐHQG, 2018.
11. Nguyễn Quang Uẩn, *Giáo trình tâm lí học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm, 2015.
12. https://m.youtube.com
13. http://google.com.vn
14. http://fluent-forever.com